

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BOM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 17-8-2020  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Loan Trần Hải Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Doãn Đức Hùng

2. Bà Đào Thị Giang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Bùi Duy T**, sinh năm 1986

HKTT: ấp L, xã G, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1990

Nơi cư trú cuối cùng: ấp L, xã G, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T, bà H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2020, tại bản tự khai nguyên đơn ông Bùi Duy T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện thương yêu và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, hôn nhân tự nguyện. Nhưng từ tháng 4/2015 cho đến nay bà Nguyễn Thị H đã bỏ nhà đi đâu ông không rõ. Ông đã liên hệ về gia đình ở quê bà H, báo lên địa phương đồng thời có đăng báo để tìm kiếm người mất tích nhưng vẫn không có tin tức gì. Nên ông làm đơn yêu cầu xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Thảo A, sinh ngày 12/03/2012. Khi ly hôn ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Thảo A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Nguyễn Thị H nhưng bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.*

*Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn bà H. Giao cháu Thảo A cho ông Bùi Duy T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu. Ông Bùi Duy T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Duy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bà Nguyễn Thị H nhưng bà Nguyễn Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Duy T và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 38/2009 ngày 05/10/2009 nên áp dụng Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông T trình bày từ tháng 4/2015 cho đến nay bà Nguyễn Thị H đã bỏ nhà đi đâu ông không rõ. Ông đã liên hệ về gia đình ở quê bà H, báo lên địa phương đồng thời có đăng báo để tìm kiếm người mất tích nhưng vẫn không có tin tức gì. Nên ông làm đơn yêu cầu xin được ly hôn với bà H. Theo hồ sơ thể hiện, ông T cũng đã làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà H, ngày 07/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã ban hành Quyết định số 18/2017/VDS-ST quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị H mất tích. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều

56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Duy T, ông Bùi Duy T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn Thảo A, sinh ngày 12/03/2012. Khi ly hôn, ông Bùi Duy T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là trách nhiệm của cha mẹ. Khi ly hôn ông Bùi Duy T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng. Bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến gì về con chung, cháu Thảo A có nguyện vọng được ở với ba và hiện tại cháu đang do ông T chăm sóc nuôi dưỡng, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Thảo A nên giao cháu Thảo A cho ông Bùi Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu Thảo A. Tạm thời bà H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Ông Bùi Duy T trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Ông Bùi Duy T trình bày không có. Do bị đơn vắng mặt chưa có lời khai về nợ chung, nên không đặt ra xem xét mà tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Duy T.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Duy T được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Giao cháu Bùi Nguyễn Thảo A, sinh ngày 12/03/2012 cho ông Bùi Duy T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời bà H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị H.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Ông Bùi Duy T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007038 ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông Bùi Duy T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã G, huyện B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Loan Trần Hải Yến**